

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1- HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 – 5 - 2026  
V/v” Ly hôn, con chung sau ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Sự.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Thị Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1984; CCCD số: 031084004952; cấp ngày 28/02/20223; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị B, sinh năm 1985; CCCD số: 031185009826; cấp ngày 06/08/2022; Nơi ĐKTT: Tổ dân phố 8, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; Hiện đang ở New Zealand. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bùi Văn T là nguyên đơn trình bày:* Anh Tuyền kết hôn với chị Vũ Thị B vào năm 2009 được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hà, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng. Quá trình chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng hàng ngày sống lạnh nhạt với nhau không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng

không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, đến năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Hiện nay chị Bé đang ở nước New Zealand, địa chỉ cụ thể anh Tuyền không nắm rõ. Nay anh Tuyền nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ được nữa đề nghị Toà án giải quyết cho anh Tuyền được ly hôn chị Vũ Thị B

Về con chung: Anh Tuyền và chị Bé có 03 con chung tên Bùi Thiên Minh, sinh ngày 04/08/2010; Bùi Thảo Lê Vi, sinh ngày 22/02/2015 và Bùi Vũ Gia Vinh, sinh ngày 03/10/2020. Hiện nay các con chung đang do chị Bé trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, khi ly hôn để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, anh Tuyền đề nghị giao 3 con chung cho chị Bé trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Tuyền đề nghị để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Tuyền và chị Bé có tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận, nếu không xong sẽ đề nghị Toà án giải quyết sau.

*Chị Vũ Thị B là bị đơn vắng mặt tại phiên toà xong đã có bản tự khai đề ngày 17/4/2026 trình bày với nội dung:*

Chị Bé kết hôn với anh Bùi Văn T vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tuyền không chung thủy, anh Tuyền chung sống với người phụ nữ khác và đã có con chung. Do đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Bé và anh Tuyền đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, nay anh Tuyền có đơn xin ly hôn, chị Bé đồng ý.

Về con chung: Chị Bé và anh Tuyền có 03 con chung tên Bùi Thiên Minh, sinh ngày 04/08/2010; Bùi Thảo Lê Vi, sinh ngày 22/02/2015 và Bùi Vũ Gia Vinh, sinh ngày 03/10/2020. Hiện nay con chung đang do chị Bé trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị Bé đề nghị giao được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé đề nghị để hai bên thỏa thuận giao nhận cho nhau không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Bé trình bày không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

*Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy

đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ bản tự khai các bên đương sự trình bày các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật TTHC, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Vũ Thị B; Về con chung: Giao 3 con chung tên Bùi Thiên Minh, sinh ngày 04/08/2010; Bùi Thảo Lê Vi, sinh ngày 22/20/2015 và Bùi Vũ Gia Vinh, sinh ngày 03/10/2020 cho chị Vũ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tuyền và chị Bé đều trình bày đề hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về tài sản chung: Anh Tuyền trình bày anh và chị Bé có tài sản chung nhưng đề hai bên tự thỏa thuận nếu không xong sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau, chị Bé trình bày không có tài sản chung. Do đó không giải quyết tài sản chung trong vụ án này; Về án phí: Anh Tuyền nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Anh Bùi Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung khi ly hôn với chị Vũ Thị B có nơi cư trú tại phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Vũ Thị B vắng mặt tại phiên toà xong đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé.

- *Nội dung:*

+ Về hôn nhân:

[3] Anh Bùi Văn T và chị Vũ Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh Tuyền trình bày giữa anh và chị Bé chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị Bé bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2023. Chị Bé trình bày quá trình chung sống đến năm 2020 chị và anh Tuyền xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Tuyền không chung thủy, anh Tuyền đã chung sống với người phụ nữ khác và đã có 01 con chung. Do đó vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không cải thiện được, nay anh Tuyền có đơn xin ly hôn, chị Bé đồng ý để giải phóng cho nhau. Xét, mâu thuẫn anh Tuyền và chị Bé đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Tuyền xin ly hôn chị Bé, chị Bé đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tuyền, cho anh Tuyền được ly hôn chị Bé.

+ Về con chung:

[4] Anh Tuyền và chị Bé thống nhất trình bày có 03 con chung tên Bùi Thiên Minh, sinh ngày 04/08/2010; Bùi Thảo Lê Vi, sinh ngày 22/02/2015 và Bùi Vũ Gia Vinh, sinh ngày 03/10/2020. Hiện nay con chung đang do chị Bé trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Tuyền và chị Bé thống nhất đề nghị giao cho chị Bé được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung. Mặt khác hai con chung đều có nguyện vọng ở với chị Bé. Do đó Căn cứ Điều 82, 86 Luật Hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao 3 con chung cho chị Bé trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con chung:

[5] Anh Tuyền và chị Bé đều thống nhất đề nghị để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không đề nghị Toà án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung:

[6] Anh Tuyên trình bày có tài sản chung, để hai bên tự giải quyết nếu không xong sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Chị Bé trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí:

[7] Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Bùi Văn T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 82, Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Vũ Thị B

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thiên Minh, sinh ngày 04/08/2010; Bùi Thảo Lê Vi, sinh ngày 22/02/2015 và Bùi Vũ Gia Vinh, sinh ngày 03/10/2020 cho chị Vũ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tên Bùi Thiên Minh, Bùi Thảo Lê Vi, Bùi Vũ Gia Vinh đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0005354 ngày 29/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đường sự
- VKSND khu vực 1- Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- UBND P. Hoà Bình -TP Hải Phòng;
- Phòng THAdân sự khu vực 1- Hải Phòng;
- PV06, PC10 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**